**MỤC 1: NHẬN DẠNG CÁC CHẤT/ HỖN HỢP CỦA CÔNG TY**

***1.1 Tên thương mại: (Tamarind seed gum, carboxy methyl ether), Natural Gum 600HV, ST-180, ST-80, ST-380S***

***· Số******CAS:***

*68647-15-4*

***·******Số******EC:***

*271-943-5*

***1.2 Các ứng dụng được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và cách sử dụng đã được khuyên dùng***

Không có thêm thông tin có liên quan

***Ứng dụng của chất / hỗn hợp***

Được sử dụng để in các loại thuốc nhuộm phân tán trên vải Polyester & Polyester pha trộn, được sử dụng như là một vật liệu định cỡ trong ngành công nghiệp giấy, được sử dụng làm chất kết dính chính trong các lò đúc và muỗi cuộn.

***1.3 Chi tiết về nhà cung cấp bảng dữ liệu an toàn***

***Nhà cung cấp/ nhà sản xuất:***

Adgums Pvt. Ltd 100% EOU,

Hợp chất Mahalaxmi, Opp. Rustom Mills, Đường Dudheshwar, Ahmedabad - 380 004

Gujarat, Ấn Độ

• ***Thông tin thêm có thể lấy được từ:***

Ông Pinal Rana

Pinalrana@printing-thickeners.com

***Số điện thoại***: + 91-79-25622632, 25625922

***Số fax:*** + 91-79-25622876

***E-mail***: adgums@printing-thickeners.com

***1.4 Số điện thoại khẩn cấp:***

***Chi tiết liên lạc của nhà nhập khẩu châu Âu***

***Số điện thoại khẩn cấp*** + 91-79-25622632, 25625922

***Số điện thoại của nhà nhập khẩu EU:***

***Giờ mở cửa:***

***Các Nhận xét Khác (ví dụ: ngôn ngữ của dịch vụ điện thoại):*** Tiếng Anh

**MỤC 2: NHẬN DIỆN MỐI NGUY HIỂM**

***2.1 Phân loại chất hoặc hỗn hợp***

***• Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008***

Chất này không được phân loại theo quy định CLP

***• Phân loại theo Chỉ thị 67/548 / EEC hoặc Chỉ thị 1999/45 / EC*** Không áp dụng.

***• Thông tin liên quan đến những mối nguy hiểm đặc biệt cho con người và môi trường***: Không áp dụng.

***2.2 Các thành phần nhãn***

***• Ghi nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008*** Không áp dụng

***• Hình vẽ ký hiệu nguy hiểm***  Không áp dụng

• ***Từ tín hiệu*** Không áp dụng

***• Báo cáo nguy hiểm*** Không áp dụng

***2.3 Các mối nguy hiểm khác***

***• Kết quả đánh giá PBT và vPvB***

***• PBT***: Không áp dụng.

***• vPvB***: Không áp dụng.

**MỤC 3: THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN**

***3.1 Đặc tính hóa học: Các chất***

***• CAS No. Mô tả***

68647-15-4 *Tamarind seed gum*, carboxymethyl ether

***• Số nhận dạng (s)***

***• Số EC***: 271-943-5

• ***Thông tin bổ sung:*** Công thức phân tử: C2H4O3.X Chưa được xác định

• ***SVHC*** Chất này không nằm trong danh sách các chất SVHC

**MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CỨU**

***4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu***

• ***Thông tin chung***: Không có biện pháp đặc biệt nào được yêu cầu.

• ***Sau khi hít phải***: Cung cấp không khí trong lành; Tham khảo ý kiến bác sĩ trong trường hợp có khiếu nại.

***• Sau khi tiếp xúc với da***: Nói chung sản phẩm không gây kích ứng da.

***• Sau khi tiếp xúc mắt***: Mở mắt để rửa trong vài phút dưới nước chảy.

***• Sau khi nuốt***: Nếu các triệu chứng vẫn tiếp tục hỏi bác sĩ.

***• 4.2 Các triệu chứng và tác động quan trọng nhất, cả cấp tính và trì hoãn*** Không có thêm thông tin liên quan.

***• 4.3 Chỉ định cần được chăm sóc y tế ngay và điều trị đặc biệt cần thiết***

Không có thêm thông tin có liên quan.

**MỤC 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**

***• 5.1 Phương tiện dập tắt***

***• Các chất chống cháy thích hợp:***

CO2, bột hoặc bình xịt nước. để chữa đám cháy lớn hơn dùng bình xịt nước hoặc bọt chống cồn.

***5.2 Các nguy hại đặc biệt nảy sinh từ chất hoặc hỗn hợp*** Không có thêm thông tin liên quan.

***• 5.3 Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa***

***• Thiết bị bảo vệ***: Không yêu cầu các biện pháp đặc biệt.

**MỤC 6: CÁC BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ TAI NẠN**

***6.1 Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và các thủ tục khẩn cấp*** Không bắt buộc.

***• 6.2 Các biện pháp phòng ngừa môi trường***: Không yêu cầu các biện pháp đặc biệt.

***• 6.3 Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và dọn dẹp:***

Làm sạch chỗ tràn ngay.

Rửa hoặc hấp thụ vật liệu và đặt trong một thùng chứa phù hợp, sạch, khô, để vứt bỏ. Tránh tạo ra những điều kiện bụi bặm.

Sử dụng các biện pháp phòng ngừa bao gồm các động cơ chống tia lửa và thông gió để kiểm soát bụi.

Sử dụng vệ sinh tốt để loại bỏ bụi bề mặt khỏi sàn, tường, dầm, xung quanh thiết bị, vv Rửa vết tích dư bằng nước nóng sau khi quét xong.

***• 6.4 Tham khảo các phần khác***

Xem Phần 7 để biết thông tin về cách xử lý an toàn.

Xem Mục 8 để biết thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân. Xem Mục 13 để biết thông tin về việc thải bỏ.

**MỤC 7: VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN**

***7.1 Các biện pháp phòng ngừa khi sử dụng an toàn*** Sử dụng tất cả các thiết bị bảo vệ an toàn.

***• Thông tin về phòng chống cháy nổ***: Không yêu cầu các biện pháp đặc biệt.

***7.2 Các điều kiện để bảo quản an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích***

***• Lưu trữ:***

***• Các yêu cầu phải được đáp ứng bởi kho và các thùng chứa:***

Lưu trữ trong các bình chứa kín và trong khu vực thoáng khí.

***• Thông tin về kho lưu trữ trong một kho chứa chung:***

Tránh xa các chất oxy hoá.

Tránh xa các vật liệu không tương thích.

***• Thông tin thêm về điều kiện bảo quản: Bảo vệ khỏi bị nhiễm bẩn.***

***• 7.3 (Các) Sử Dụng Cụ Thể***

Được sử dụng để in các loại thuốc nhuộm phân tán trên vải Polyester & vải Polyester pha trộn, được sử dụng như là một vật liệu định cỡ trong ngành công nghiệp giấy, được sử dụng làm chất kết dính chính trong các lò đúc và muỗi cuộn.

**MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/ BẢO QUẢN CÁ NHÂN**

***Thông tin bổ sung về thiết kế cơ sở vật chất kỹ thuật***: Không có thêm dữ liệu; Xem mục 7.

***• 8.1 Các thông số điều khiển***

***• Thành phần với các giá trị giới hạn yêu cầu giám sát tại nơi làm việc:*** Không bắt buộc.

***• Thông tin bổ sung***: Các danh sách có giá trị trong quá trình sản xuất được sử dụng làm cơ sở.

***• 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm***

***• Thiết bị bảo vệ cá nhân:***

***• Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh chung:***

Các biện pháp phòng ngừa thông thường phải được tuân thủ khi xử lý hóa chất.

***• Bảo vệ hô hấp:*** Đề nghị thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp.

***• Bảo vệ tay:***

 ***găng tay bảo vệ***

Các vật liệu làm bằng tay phải không thấm và bền với sản phẩm / chất / chế phẩm.

Do các kiểm tra thiếu nên không đưa ra khuyến cáo về vật liệu găng tay có thể cung cấp cho sản phẩm/ chế phẩm / hỗn hợp hóa học.

Lựa chọn vật liệu làm găng tay khi xem xét thời gian thâm nhập, tỷ lệ khuếch tán và sự xuống cấp

***• Vật liệu găng tay***

Việc lựa chọn găng tay phù hợp không chỉ phụ thuộc vào chất liệu, mà còn trên các nhãn hiệu chất lượng khác và khác nhau giữa nhà sản xuất và nhà sản xuất.

***• Thời gian thâm nhập vật liệu làm găng tay***

Thời gian trôi qua chính xác phải được phát hiện bởi nhà sản xuất găng tay bảo vệ và phải được theo dõi.

***Bảo vệ mắt:***

 ***kính bảo hộ có niêm phong kín***

***Bảo vệ cơ thể:*** Quần áo bảo hộ lao động

**MỤC 9: CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC:**

***9.1 Thông tin về các tính chất cơ lý và hóa học cơ bản***

***• Thông tin chung***

***• Thể:*** rắn

***• Dạng:*** bột

***• Màu sắc***: Vàng nhạt

***• Mùi***: Aliphatic

***• Giá trị pH***: 10.5 +/- 0.5

***• Thay đổi tình trạng***

***Điểm nóng chảy / Dãy nóng chảy***: Chưa xác định.

***Ðộ sôi / Hơi sôi***: Không xác định.

***• Điểm cháy***: Không áp dụng.

***• Nguy hiểm khi nổ***: Sản phẩm không gây nguy hiểm cho nổ.

***• Khối lượng riêng***: Không xác định.

***• Độ hòa tan trong nước/ Tính khả thi với nước***: Hòa tan

***• 9.2 Thông tin khác Độ hòa tan***: tan trong nước lạnh

Độ nhớt dán 8%: 28000-34000 cps tại (Spindle No. 6, 20 RPM by Brook

field Viscometer Model RVT))

Nó không hòa tan trong dung môi hữu cơ và có thể phân tán trong chất liệu ấm để tạo thành gel có độ nhớt cao.

**MỤC 10:TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG**

***10.1 Phản ứng***

***• 10.2 Độ ổn định hoá học***

***• Điều kiện phân hủy nhiệt cần tránh***: Không phân hủy nếu sử dụng theo chỉ dẫn.

***10.3 Khả năng phản ứng nguy hiểm*** Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến.

***• 10.4 Điều kiện cần tránh***: Tránh tiếp xúc với vật liệu không tương thích

***• 10.5 Vật liệu không tương hợp***: Không có thông tin liên quan khác.

***10.6 Sản phẩm phân rã nguy hiểm***: Không có các sản phẩm phân hủy nguy hiểm nào được biết đến.

**MỤC 11:THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**

***• 11.1 Thông tin về các tác động độc hại***

***• Độc tính cấp tính:***

***• Các giá trị LD / LC50 có liên quan đến phân loại:***

Không có dữ liệu định lượng về ảnh hưởng độc tính của sản phẩm này

***• Tác dụng kích thích ban đầu:***

***• Trên da:*** Không có tác dụng kích ứng.

***• Trên mắt:*** Không có tác dụng kích thích.

***• Nhạy cảm:*** Không có phản ứng nhạy cảm.

**MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI**

***• 12.1 Độc tính***

***• Độc hại đối với nước***: Không có dữ liệu định lượng về ảnh hưởng sinh thái của sản phẩm này.

***• 12.2 Tính bền bỉ và khả năng phân giải***: Chất được tìm thấy là khả năng phân huỷ sinh học,

***• 12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học*** Không có thông tin liên quan sẵn có.

***• 12.4 Tính di động trong đất*** Không có thêm thông tin liên quan.

***• 12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB*** ĐƯỢC CUNG CẤP TRONG DANH MỤC ĐĂNG KÝ

***• PBT***: Không áp dụng.

***• vPvB***: Không áp dụng.

***• 12.6 Các ảnh hưởng xấu khác***: không có ảnh hưởng xấu đến môi trường.

ảnh hưởng xấu

**MỤC 13: CÁC CÂN NHẮC VỀ VIỆC THẢI BỎ**

***• 13.1 Các phương pháp xử lý chất thải***

***• Khuyến nghị Số lượng nhỏ hơn có thể được xử lý cùng với chất thải gia đình.***

***• Danh mục chất thải châu Âu***

04 Chất thải từ thuộc da, lông thú và công nghiệp dệt

04 01 Chất thải từ ngành công nghiệp thuộc da và lông thú.

04 02 chất thải từ ngành công nghiệp dệt.

03 03 Chất thải từ sản xuất, chế biến bột giấy, giấy và giấy các tông.

***• Bao bì không được làm sạch:***

***• Khuyến nghị:*** Việc thải bỏ phải được thực hiện theo các quy định chính thức.

**MỤC 14: THÔNG TIN VẬN TẢI**

***• 14.1 Số UN***

***• ADR, ADN, IMDG, IATA*** Không áp dụng

***• 14.2 Tên vận chuyển đúng của LHQ***

***• ADR, ADN, IMDG, IATA*** Không áp dụng

***• 14.3 (các) loại nguy cơ vận chuyển***

• ADR, ADN, IMDG, IATA Loại Không áp dụng

***• 14.4 Nhóm đóng gói***

**• ADR, IMDG, IATA** Không áp dụng

***• 14.5 Mối nguy về môi trường:***

***• Chất gây ô nhiễm biển***: Không

***• 14.6 Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng*** Không áp dụng.

***• 14.7 Vận tải hàng rời theo Phụ lục II của MARPOL73 / 78 và Mã IBC*** Không áp dụng.

***• "Quy định mẫu của Liên hợp quốc":*** Không áp dụng

**MỤC 15: THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH**

***• 15.1 Các quy định về an toàn, sức khoẻ và môi trường cụ thể đối với chất hoặc hỗn hợp***

***• Ghi nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008*** Không áp dụng

***• Ký hiệu cảnh báo***: Không áp dụng

***• Từ tín hiệu***: Không áp dụng

***• Báo cáo nguy hiểm***: Không áp dụng

***• Quy định quốc gia:***

***• Các quy định khác, hạn chế và các quy định cấm***

***TSCA***: Được liệt kê

***Úc-AICS***: Được liệt kê

***Philippines-PICCS:*** Được liệt kê

***• Các chất có nguy cơ rất cao (SVHC) theo REACH, Điều 57:*** Chất này không được liệt kê là SVHC.

***• 15.2 Đánh giá an toàn hóa học:*** Chưa có đánh giá an toàn hoá học.

**MỤC 16: CÁC THÔNG TIN KHÁC**

Thông tin này được dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này không phải là bảo đảm cho bất kỳ đặc điểm sản phẩm cụ thể nào và không được thiết lập quan hệ hợp đồng hợp pháp.

***• Cục ban hành MSDS:*** Phòng an toàn sản phẩm***.***

***• Liên hệ:***

Ông Pinal Rana

Pinalrana@printing-thickeners.com

***Số điện thoại:*** + 91-79-25622632, 25625922

***Số fax:*** + 91-79-25622876

***E-mail:*** adgums@printing-thickeners.com

***• Chữ viết tắt và từ viết tắt:***

**RID:** Công ước quốc tế Règlement về vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng đường sắt **ICAO**: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế

**ADR:** (Hiệp định Châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hoá nguy hiểm theo đường)

**IMDG**: Bộ luật Hàng hải Quốc tế về hàng nguy hiểm

**IATA**: Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế

**GHS**: Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất trên toàn cầu EINECS: Kiểm kê các hoá chất thương mại hiện tại của châu Âu CAS: Dịch vụ Chữ hóa học (phân chia của Hiệp hội Hoá học Hoa Kỳ)

***Nguồn***

- QUY ĐỊNH (EC) số 1272/2008 của PARLAM tại Châu Âu và của Hội đồng về việc phân loại, dán nhãn và đóng gói các chất và hỗn hợp, sửa đổi và bãi bỏ các Chỉ thị 67/548 / EEC và 1999/45 / EC và sửa đổi Quy định (EC) Số 1907/2006.

***\* Dữ liệu so với phiên bản trước bị thay đổi.***

• Mục 1 – Nhận dạng các chất/ hỗn hợp của công ty

• Mục 3 - Thành phần / Thông tin về các thành phần

• Mục 4 - Các biện pháp sơ cứu

• Mục 5 - Các biện pháp chữa cháy

• Mục 6 - Các biện pháp giảm nhẹ tai nạn

• Mục 7 – Vận chuyển và bảo quản

• Mục 8 - Kiểm soát phơi nhiễm / Bảo vệ cá nhân

• Mục 9 - Các tính chất vật lý và hóa học

• Mục 10 - Tính ổn định và phản ứng

• Mục 11 - Thông tin về độc tính

• Mục 12 - Thông tin sinh thái

• Mục 13 - Các cân nhắc về việc thải bỏ

• Mục 15 - Thông tin về các quy định

• Mục 16: Các thông tin khác.